

- Study. Crit Care Explor, 3(4), e0379. doi: 10.1097/CCE.0000000000000379.
2. **Thille AW, Harrois A, Schortgen F, et al** (2011). Outcomes of extubation failure in medical intensive care unit patients. Crit Care Med, 39(12), 2612. doi:10.1097/CCM.0b013e3182282a5a.
 3. **Spadaro S, Grasso S, Mauri T, et al** (2016). Can diaphragmatic ultrasonography performed during the T-tube trial predict weaning failure? The role of diaphragmatic rapid shallow breathing index. Crit Care, 20, 305. doi:10.1186/s13054-016-1479-y.
 4. **Abbas A, Embarak S, Walaa M, et al** (2018). Role of diaphragmatic rapid shallow breathing index in predicting weaning outcome in patients with acute exacerbation of COPD. Int J Chron Obstruct Pulmon Dis, 13, 1655-1661. doi:10.2147/COPD.S161691.
 5. **Song J, Qian Z, Zhang H, et al** (2022). Diaphragmatic ultrasonography-based rapid shallow breathing index for predicting weaning outcome during a pressure support ventilation spontaneous breathing trial. BMC Pulm Med, 22, 337. doi:10.1186/s12890-022-02133-5.
 6. **Dean R.H and Robert M.K** (2014). Essentials of Mechanical Ventilation. McGraw-Hill Education, third edition, New York, 16, 164-175.
 7. **Nguyễn Minh Hải, Bùi Văn Cường, Đặng Quốc Tuấn** (2023). Đánh giá vai trò của siêu âm cơ hoành trong tiên lượng cai thở máy. Tạp Chí Y học Việt Nam, 521, 194-197.
 8. **Đỗ Ngọc Sơn, Vũ Thị Thu Giang, Vũ Đăng Lưu** (2019). Đánh giá các chỉ số siêu âm cơ hoành ở BN đợt cấp bệnh phổi mạn tính tắc nghẽn. Tạp chí Y học Việt Nam, 482, 109-115.
 9. **Vũ Thị Thu Giang, Đỗ Ngọc Sơn, Vũ Đăng Lưu** (2019). Giá trị của siêu âm cơ hoành trong dự báo kết quả cai thở máy thành công ở BN đợt cấp bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính. Tạp chí Y học Việt Nam, 482, 116-123.
 10. **Danaga A. R., Gut A. L., Antunes L. C. de O., et al** (2009). Evaluation of the diagnostic performance and cut-off value for the rapid shallow breathing index in predicting extubation failure. Jornal Brasileiro de Pneumologia, 35(6), 541-547. doi:10.1590/s1806-3132009000600007.

ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ HÀI LÒNG CỦA NGƯỜI BỆNH SAU PHẪU THUẬT PHACO ĐIỀU TRỊ ĐỤC THỂ THỦY TINH TẠI KHOA MẮT, BỆNH VIỆN E

Nguyễn Quỳnh Hoa¹, Nguyễn Thị Phương Thảo², Dương Hải Linh¹

TÓM TẮT

Mục tiêu: Đánh giá sự hài lòng và xác định các yếu tố liên quan đến sự hài lòng của người bệnh sau phẫu thuật phaco tại khoa Mắt, Bệnh viện E. **Đối tượng và phương pháp:** Nghiên cứu mô tả tiến cứu trên 70 người bệnh đục thể thủy tinh được phẫu thuật phaco tại khoa Mắt, Bệnh viện E từ 10/2023 đến 03/2024. **Kết quả:** 95,7% người bệnh hài lòng với các quy trình trước phẫu thuật, quy trình chăm sóc sau phẫu thuật và các quy trình dịch vụ khác tại khoa Mắt, Bệnh viện E, 94,3% người bệnh hài lòng với các quy trình diễn ra trong phẫu thuật. Đánh giá chung, 91,4% người bệnh hài lòng với dịch vụ phẫu thuật phaco tại khoa Mắt, Bệnh viện E. Các yếu tố liên quan đến sự hài lòng tìm thấy trong nghiên cứu bao gồm: Thời gian phẫu thuật ($p = 0,016$), phương pháp vô cảm ($p < 0,001$), kết quả thị lực sau phẫu thuật 1 ngày ($p < 0,05$) và mức độ suy giảm thị lực sau 1 tháng ($p < 0,05$), triệu chứng nhìn mờ, chói xuất hiện 1 tháng sau phẫu thuật ($p = 0,009$). **Kết luận:** Đánh giá chung, 91,4% người bệnh hài lòng với dịch vụ phẫu thuật phaco tại khoa Mắt, Bệnh viện E. Các yếu tố liên quan đến sự hài lòng bao gồm thời gian phẫu thuật, phương pháp vô cảm được sử dụng trong phẫu

thuật, kết quả thị lực sau phẫu thuật 1 ngày và mức độ suy giảm thị lực sau 1 tháng, triệu chứng nhìn mờ, chói xuất hiện sau 1 tháng.

Từ khóa: sự hài lòng, đục thể thủy tinh, phaco.

SUMMARY

SATISFACTION ASSESSMENT OF PATIENTS AFTER PHACO SURGERY FOR CATARACT TREATMENT AT THE OPHTHALMOLOGY DEPARTMENT, E HOSPITAL

Objective: To assess patient satisfaction and identify factors related to their satisfaction after phaco surgery at the Ophthalmology Department, E Hospital. **Subjects and Methods:** A prospective descriptive study was conducted on 70 cataract patients who underwent phaco surgery at the Ophthalmology Department, E Hospital from 10/2023 to 03/2024. **Results:** 95.7% of patients were satisfied with preoperative procedures, postoperative care, and other services at the Ophthalmology Department, E Hospital, and 94.3% were satisfied with the intraoperative procedures. Overall, 91.4% of patients were satisfied with the phaco surgery services at the Ophthalmology Department, E Hospital. Factors related to patient satisfaction identified in the study include surgery duration ($p = 0.016$), anesthesia method ($p < 0.001$), visual acuity results after 1 day of surgery ($p < 0.05$), and the degree of vision impairment after 1 month ($p < 0.05$), as well as symptoms of blurred vision and glare 1 month after surgery ($p = 0.009$). **Conclusion:** Overall, 91.4% of patients were satisfied with the phaco surgery services

¹Trường Đại học Y Dược - Đại học Quốc Gia Hà Nội

²Bệnh viện E

Chịu trách nhiệm chính: Nguyễn Quỳnh Hoa

Email: drhoa2211@gmail.com

Ngày nhận bài: 11.9.2024

Ngày phản biện khoa học: 21.10.2024

Ngày duyệt bài: 22.11.2024

at the Ophthalmology Department, E Hospital. Factors related to satisfaction include surgery duration, anesthesia method used during surgery, visual acuity results 1 day after surgery, the degree of vision impairment after 1 month, and symptoms of blurred vision and glare occurring after 1 month.

Keywords: satisfaction, cataract, phaco.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Hiện nay, phương pháp điều trị ĐTTT phổ biến nhất là phương pháp phẫu thuật phaco, đặc trưng với vết phẫu thuật nhỏ, thời gian hồi phục nhanh và ít gây ra biến chứng [6]. Cùng với sự phát triển và những cải tiến của phẫu thuật phaco, kỳ vọng của người bệnh về kết quả điều trị ĐTTT không chỉ dừng lại ở việc cải thiện chức năng thị giác sau khi loại bỏ ĐTTT mà còn hướng tới duy trì hoặc cải thiện chất lượng cuộc sống và khả năng làm việc của người bệnh sau phẫu thuật [5]. Do đó, việc đo lường sự hài lòng của người bệnh đối với quy trình phẫu thuật phaco và kết quả thị lực sau phẫu thuật là cần thiết để cải thiện và nâng cao chất lượng DVYT của cơ sở khám chữa bệnh.

Với mục đích khảo sát sự hài lòng của người bệnh ĐTTT điều trị bằng phẫu thuật phaco đồng thời tìm hiểu về các yếu tố liên quan tới sự hài lòng của người bệnh, chúng tôi tiến hành nghiên cứu với mục tiêu: (1) Đánh giá mức độ hài lòng của người bệnh sau phẫu thuật phaco tại khoa Mắt, Bệnh viện E. (2) Xác định các yếu tố liên quan đến sự hài lòng của người bệnh.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu. Người bệnh ĐTTT được điều trị bằng phẫu thuật phaco tại khoa Mắt, Bệnh viện E từ ngày 01/10/2023 đến ngày 31/03/2024.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

- Nghiên cứu mô tả tiến cứu.

- Cơ mẫu nghiên cứu: Chọn mẫu thuận tiện (không xác suất). Từ ngày 01/10/2023 đến ngày 31/03/2024, chúng tôi đã thu thập số liệu trên tổng số 70 người bệnh đồng ý tham gia nghiên cứu.

- Nội dung nghiên cứu:

Đặc điểm bệnh nhân nghiên cứu: Tuổi, giới tính, thời gian chờ phẫu thuật, thời gian phẫu thuật, phương pháp vô cảm sử dụng trong phẫu thuật, kết quả thị lực sau phẫu thuật 1 ngày, mức độ suy giảm thị lực sau phẫu thuật 1 tháng.

Sự hài lòng của người bệnh: Các quy trình phẫu thuật phaco (các quy trình trước phẫu thuật, các quy trình diễn ra trong phẫu thuật, các quy trình sau phẫu thuật), các quy trình dịch vụ khác tại khoa Mắt, Bệnh viện E.

- Công cụ thu thập thông tin: Phiếu nghiên cứu, bảng câu hỏi VF-14, hồ sơ bệnh án.

- **Phương pháp xử lý số liệu:** Phân tích số liệu bằng phần mềm SPSS 27.0.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Đặc điểm của đối tượng nghiên cứu

Bảng 1. Đặc điểm nhân khẩu học

Đặc điểm	Số lượng (n)	Tỉ lệ (%)	
Tuổi	< 70 tuổi	18	25,7
	≥ 70 tuổi	52	74,3
Tuổi trung bình (X±SD): 74,10 ± 7,52 (Khoảng tuổi: 60 - 101)			
Giới tính	Nam	30	42,9
	Nữ	40	57,1

Nhận xét: Trong nghiên cứu của chúng tôi, độ tuổi trung bình của các đối tượng nghiên cứu là 74,10 ± 7,52 tuổi (60 - 101 tuổi), phần lớn người bệnh (74,3%) nằm trong nhóm tuổi ≥70 tuổi.

Bảng 2. Đặc điểm phẫu thuật phaco

Đặc điểm	Số lượng (n)	Tỉ lệ (%)	
Thời gian chờ PT	1 ngày	58	82,9
	> 1 ngày	12	17,1
Thời gian PT	< 30 phút	59	84,3
	≥ 30 phút	11	15,7
Phương pháp vô cảm	Tiêm tê cạnh nhãn cầu	27	38,6
	Tra tê	43	61,4

Nhận xét: Hầu hết người bệnh chờ phẫu thuật trong vòng 1 ngày, chiếm 82,9%. Thời gian chờ phẫu thuật chủ yếu là <30 phút (84,3%). Phương pháp vô cảm được sử dụng trong phẫu thuật phần lớn là tra tê tại chỗ bằng Alcaïn (61,4%).

Bảng 3. Kết quả thị lực sau phẫu thuật

Biến số	Số lượng (n)	Tỉ lệ (%)	
Kết quả thị lực sau PT 1 ngày	Tốt	39	55,7
	Khá	21	30
	Trung bình	9	12,9
	Kém	1	1,4
Mức độ suy giảm thị lực sau PT 1 tháng	Không suy giảm	46	65,7
	Suy giảm tối thiểu	13	18,6
	Suy giảm nhẹ	8	11,4
	Suy giảm vừa phải	2	2,9
Suy giảm nghiêm trọng	1	1,4	

Nhận xét: Sau phẫu thuật 1 ngày, chủ yếu người bệnh có thị lực tốt và khá chiếm 85,7%. Sau phẫu thuật 1 tháng, phần lớn người bệnh không bị suy giảm thị lực hoặc suy giảm thị lực tối thiểu, chiếm 84,3%.

3.2. Sự hài lòng của người bệnh với dịch vụ phẫu thuật phaco tại khoa Mắt,

Bệnh viện E**Bảng 4. Kết quả đánh giá sự hài lòng của người bệnh**

Quy trình	Mức độ hài lòng			
	Không hài lòng		Hài lòng	
	n	%	n	%
Quy trình trước phẫu thuật	3	4,3	67	95,7
Quy trình trong phẫu thuật	4	5,7	66	94,3
Quy trình sau phẫu thuật	3	4,3	67	95,7
Quy trình dịch vụ	3	4,3	67	95,7

khác				
Đánh giá chung	6	8,6	64	91,4

Nhận xét: Phần lớn người bệnh (91,4%) đánh giá hài lòng sau khi trải nghiệm dịch vụ phẫu thuật phaco tại khoa Mắt, bệnh viện E. Trong đó, 95,7% người bệnh hài lòng với quy trình trước phẫu thuật phaco, các quy trình sau phẫu thuật và các quy trình dịch vụ khác; 94,3% người bệnh hài lòng với quy trình diễn ra trong phẫu thuật.

3.3. Một số yếu tố liên quan đến sự hài lòng của người bệnh**Bảng 5. Một số yếu tố liên quan đến sự hài lòng của người bệnh**

Yếu tố	Sự hài lòng của người bệnh				p	
	Không hài lòng		Hài lòng			
	n	%	n	%		
Nhóm tuổi	< 70 tuổi	1	5,6	17	94,4	>0,05
	≥ 70 tuổi	5	9,6	47	90,4	
Giới tính	Nam	3	10	27	90	>0,05
	Nữ	3	7,5	37	92,5	
Thời gian chờ phẫu thuật	1 ngày	5	8,6	53	91,4	>0,05
	> 1 ngày	1	8,3	11	91,7	
Thời gian phẫu thuật	< 30 phút	4	6,8	55	93,2	<0,05
	≥ 30 phút	2	18,2	9	81,8	
Phương pháp vô cảm	Tiêm tê cạnh nhãn cầu	6	22,2	21	77,8	< 0,001
	Tra tê	0	0	43	100	
Thị lực sau PT 1 ngày	Tốt	3	7,7	36	92,3	< 0,05
	Khá	2	9,5	19	90,5	
	Trung bình	8	88,9	1	11,1	
	Kém	1	100	0	0	
Mức độ suy giảm thị lực sau PT 1 tháng	Không suy giảm	0	0	46	100	< 0,05
	Suy giảm tối thiểu	0	0	13	100	
	Suy giảm nhẹ	3	37,5	5	62,5	
	Suy giảm vừa phải	2	100	0	0	
	Suy giảm nghiêm trọng	1	100	0	0	

Nhận xét: Trong nghiên cứu của chúng tôi nhận thấy các yếu tố đặc điểm tuổi, giới tính, thời gian chờ phẫu thuật không có mối liên quan đến sự hài lòng của người bệnh ($p > 0,05$).

Thời gian trải qua phẫu thuật và phương pháp vô cảm được sử dụng trong phẫu thuật có mối liên quan đến sự hài lòng của người bệnh ($p < 0,05$).

Kết quả thị lực sau PT 1 ngày và mức độ suy giảm thị lực sau 1 tháng có mối liên quan đến sự hài lòng của người bệnh ($p < 0,05$). Tỷ lệ hài lòng chủ yếu ở mức thị lực tốt và khá, ở nhóm không suy giảm và suy giảm tối thiểu.

IV. BÀN LUẬN

4.1. Đặc điểm chung. Đối tượng trong nghiên cứu của chúng tôi chủ yếu là người cao tuổi, độ tuổi trung bình là $74,10 \pm 7,52$. Người bệnh cao tuổi nhất là 101 tuổi và người bệnh thấp

tuổi nhất là 60 tuổi. Phần lớn người bệnh (74,3%) nằm trong nhóm tuổi ≥ 70 tuổi. Tỷ lệ phẫu thuật phaco điều trị đục thể thủy tinh (ĐTTT) ở nữ giới (57,1%) cao hơn ở nam giới (42,9%). Kết quả nghiên cứu của chúng tôi tương tự kết quả nghiên cứu của Ngô Thị Đào (2023) [1].

Thời gian chờ phẫu thuật trong nghiên cứu của chúng tôi chủ yếu là 1 ngày (82,9%). Thời gian chờ đợi trung bình là $1,45 \pm 1,56$ (ngày). Kết quả nghiên cứu của Chan F.W. và cộng sự (2009) trên 300 người bệnh tại Hồng Kông cho thấy thời gian chờ phẫu thuật trung bình là 17 ± 15 tháng, nghiên cứu này khác kết quả nghiên cứu của chúng tôi có thể do cỡ mẫu nghiên cứu và quy trình khám chữa bệnh giữa các cơ sở y tế là khác nhau [3].

Kết quả nghiên cứu của chúng tôi cho thấy thời gian phẫu thuật phaco có thể kéo dài từ 20 -

40 phút/ca phẫu thuật, phần lớn là < 30 phút chiếm 84,3%. Thời gian phẫu thuật trung bình là $24,40 \pm 3,29$ (phút). Nghiên cứu của Colin J. và cộng sự (2010) trên 740 người bệnh ghi nhận thời gian phẫu thuật trung bình là $15,5 \pm 14,5$ (phút) [2]. Phương pháp vô cảm được sử dụng trong phẫu thuật: trong 70 mắt phẫu thuật của nhóm nghiên cứu, 43 mắt (61,4%) được sử dụng phương pháp vô cảm tra tê tại chỗ bằng dung dịch Alcaïn.

4.2. Sự hài lòng của người bệnh. Quy trình trước phẫu thuật trong nghiên cứu của chúng tôi có tỉ lệ đánh giá hài lòng rất cao (95,7%). Kết quả nghiên cứu của chúng tôi cao hơn kết quả nghiên cứu của Colin J. và cộng sự (2010) trên 740 người bệnh cho thấy phần lớn người bệnh (90,7%) hài lòng hoặc rất hài lòng với quy trình trước phẫu thuật [2].

94,3% người bệnh hài lòng với các quy trình diễn ra trong phẫu thuật phaco. Trong nghiên cứu của chúng tôi ghi nhận một số trường hợp người bệnh phản ánh về cảm giác đau khi được sử dụng phương pháp vô cảm trong quá trình phẫu thuật, tuy nhiên, cảm giác này nhanh chóng mất đi và không đau trở lại sau khi thuốc gây tê hết tác dụng và ngay cả trong những ngày tiếp theo.

Các quy trình theo dõi và chăm sóc sau phẫu thuật có tỉ lệ người bệnh đánh giá hài lòng rất cao (95,7%). 95,7% người bệnh hài lòng với các quy trình dịch vụ khác tại khoa Mắt, Bệnh viện E. Nghiên cứu của chúng tôi ghi nhận một số lời phàn nàn của người bệnh rằng họ phải chờ đợi khi làm các thủ tục hành chính tại khoa và một số thông tin liên quan đến thủ tục hành chính họ chưa nắm rõ mặc dù đã được giải thích.

Tỉ lệ người bệnh hài lòng với kết quả thị lực sau phẫu thuật trong nghiên cứu của chúng tôi ở mức rất cao (98,6%). Sau 1 tháng, tỉ lệ này giảm xuống còn 91,4%. Điều này có thể giải thích do các triệu chứng xuất hiện vào 1 tháng sau phẫu thuật như triệu chứng ruồi bay, nhìn mờ, chói gây ảnh hưởng đến tầm nhìn và chất lượng cuộc sống của người bệnh.

Đánh giá chung: trong nghiên cứu của chúng tôi có kết quả là hầu hết người bệnh (91,4%) đánh giá hài lòng sau khi trải qua phẫu thuật phaco và sử dụng dịch vụ tại khoa Mắt, bệnh viện E. Kết quả nghiên cứu của chúng tôi tương tự với kết quả nghiên cứu của Ngô Thị Đào (2023) có tỉ lệ rất hài lòng và hài lòng sau phẫu thuật phaco chiếm 92,3% [1].

4.3. Một số yếu tố liên quan đến sự hài lòng của người bệnh. Về tuổi của các đối tượng tham gia nghiên cứu, không có sự khác

biệt giữa các nhóm tuổi. Tỉ lệ người bệnh < 70 tuổi đánh giá hài lòng cao hơn so với người bệnh ≥ 70 tuổi (94,4% > 90,4%). Tỉ lệ nữ giới đánh giá hài lòng cao hơn nam giới (92,5% > 90%). Kết quả cho thấy không có sự liên quan giữa các đặc điểm chung của bệnh nhân với sự hài lòng của người bệnh ($p > 0,05$).

Thời gian chờ phẫu thuật: Trong nhóm người bệnh đánh giá hài lòng, 53 người bệnh có thời gian chờ phẫu thuật 1 ngày, chiếm 91,4%, 11 người bệnh có thời gian chờ phẫu thuật > 1 ngày, chiếm 91,7%. Giá trị $p = 0,616 > 0,05$ cho thấy không có sự liên quan giữa sự hài lòng và thời gian chờ phẫu thuật của người bệnh.

Kết quả nghiên cứu của chúng tôi cho thấy, tỉ lệ người bệnh hài lòng có thời gian phẫu thuật < 30 phút cao hơn tỉ lệ hài lòng của người bệnh có thời gian phẫu thuật ≥ 30 phút. Giá trị $p = 0,016 (p < 0,05)$ cho thấy có mối liên quan giữa thời gian phẫu thuật với sự hài lòng của người bệnh. Chúng tôi nhận thấy, thời gian phẫu thuật càng ngắn thì sự hài lòng của người bệnh với quy trình phẫu thuật càng cao. Điều này phụ thuộc vào tay nghề phẫu thuật viên và dụng cụ, máy móc, trang thiết bị của bệnh viện.

Tỉ lệ người bệnh hài lòng khi được sử dụng phương pháp tiêm tê cạnh nhãn cầu bằng dung dịch Lidocain 2% là 77,8%, thấp hơn so với tỷ lệ người bệnh hài lòng khi được sử dụng tra tê tại chỗ bằng dung dịch Alcaïn (100%). Sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê ($p < 0,05$) cho thấy phương pháp vô cảm được sử dụng có mối liên quan đến sự hài lòng của người bệnh. Từ đó, chúng tôi nhận thấy khi được tra tê tại chỗ người bệnh sẽ cảm thấy đỡ đau và dễ chịu hơn khi được tiêm tê cạnh nhãn cầu. Điều này có thể giải thích do quyết định của phẫu thuật viên khi sử dụng phương pháp vô cảm trong quá trình phẫu thuật và mức chịu đau của từng người bệnh là khác nhau.

Kết quả thị lực sau 1 ngày trong nghiên cứu của chúng tôi, ở nhóm người bệnh đánh giá hài lòng, có 36 mắt thị lực tốt, chiếm 92,3%, 19 mắt thị lực khá, chiếm 90,5%, 1 mắt thị lực trung bình, chiếm 11,1%. Giá trị $p < 0,05$ cho thấy có mối liên quan giữa kết quả thị lực sau phẫu thuật với sự hài lòng của người bệnh. Tỉ lệ hài lòng của người bệnh chủ yếu ở mức thị lực tốt và khá.

Mức độ suy giảm thị lực sau 1 tháng trong nhóm người bệnh đánh giá hài lòng, có 46 người bệnh không suy giảm chức năng thị lực, chiếm 100%, 13 người bệnh suy giảm thị lực ở mức tối thiểu chiếm 100%, 5 người bệnh suy giảm thị lực mức nhẹ chiếm 62,5%. Giá trị $p < 0,05$ cho thấy mức độ suy giảm thị lực có mối liên quan

với sự hài lòng của người bệnh. Tỷ lệ hài lòng chủ yếu ở nhóm không suy giảm và suy giảm tối thiểu. Kết quả nghiên cứu của chúng tôi cũng tương tự kết quả nghiên cứu của Garcia-Gutierrez S. và cộng sự năm 2014 nghiên cứu về tác động của kết quả lâm sàng đến sự hài lòng của người bệnh với phẫu thuật ĐTTT, tác giả kết luận sự hài lòng với phẫu thuật ĐTTT có liên quan đến kết quả lâm sàng và cũng liên quan đến sự mong đợi của người bệnh về sự cải thiện chức năng thị giác [4].

V. KẾT LUẬN

Đánh giá chung, 91,4% người bệnh hài lòng sau khi sử dụng dịch vụ phẫu thuật phaco tại khoa Mắt, bệnh viện E.

Các yếu tố thời gian phẫu thuật và phương pháp vô cảm được sử dụng trong phẫu thuật, yếu tố kết quả thị lực sau phẫu thuật 1 ngày và mức độ suy giảm thị lực sau phẫu thuật 1 tháng là các yếu tố có mối liên quan đến sự hài lòng của người bệnh.

Các đặc điểm tuổi, giới tính, thời gian chờ phẫu thuật không có mối liên quan đến sự hài

lòng của người bệnh.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Đào, N.T.** (2023). Kết quả chăm sóc, tư vấn cho người bệnh sau phẫu thuật phaco tại Bệnh viện Đa khoa Xanh Pôn năm 2022- 2023. Tạp Chí Y Học Việt Nam, 527(2), 57-61.
2. **Colin, J. và cộng sự** (2010). Assessment of patient satisfaction with outcomes of and ophthalmic care for cataract surgery. Journal of Cataract and Refractive Surgery, 36(8), 1373-1379.
3. **Chan, F.W. và cộng sự** (2009). Waiting Time for Cataract Surgery and Its Influence on Patient Attitudes. Investigative Ophthalmology & Visual Science, 50(8), 3636-3642.
4. **Garcia-Gutierrez, S. và cộng sự** (2014). Impact of clinical and patient-reported outcomes on patient satisfaction with cataract extraction. Health Expectations: An International Journal of Public Participation in Health Care and Health Policy, 17(6), 765-775.
5. **Harutyunyan T. và cộng sự** (2023). Health-Related Quality of Life after Cataract Surgery in Armenia: A Cross-Sectional Survey. Healthcare 2023, 11(17), 1-13.
6. **Kinga K. và cộng sự** (2022). Survey of patient satisfaction after bilateral cataract surgery. Rom J Ophthalmol, 66(1), 36-40.

ĐÁNH GIÁ ĐAU DO NGUYÊN NHÂN THẦN KINH BẰNG THANG ĐIỂM PAINDETECT Ở BỆNH NHÂN THOÁI HÓA CỘT SỐNG THẮT LƯNG

Trần Bùi Minh¹, Nguyễn Vĩnh Ngọc², Phạm Thành Đồng³,
Nguyễn Thị Thu Thủy⁴, Bùi Hải Bình⁵, Phùng Đức Tâm⁵,
Nguyễn Thị Ngọc Yến⁵, Ngô Thị Thục Nhân⁶

TÓM TẮT

Mục tiêu: Mô tả đặc điểm lâm sàng, Xquang và đặc điểm đau do nguyên nhân đau thần kinh theo thang điểm PainDETECT ở bệnh nhân thoái hóa cột sống thắt lưng. **Đối tượng nghiên cứu:** Tiến hành nghiên cứu trên 105 bệnh nhân được chẩn đoán thoái hóa cột sống thắt lưng có đau đau cột sống với thang điểm VAS ≥ 3 điểm đang điều trị tại Trung tâm Cơ Xương Khớp và phòng khám ngoại trú bệnh viện Bạch Mai từ 8/2023 đến 8/2024. **Phương pháp nghiên cứu:** Mô tả cắt ngang. **Kết quả:** 1. Tuổi trung bình

của đối tượng nghiên cứu là $62,0 \pm 11,5$ năm; đa số là nữ (67,6%); chủ yếu là lao động trí óc (58,1%). Đau cột sống thắt lưng chủ yếu xuất hiện tự nhiên (54,3%); thời gian đau chủ yếu >6 tháng (55,2%). Triệu chứng lâm sàng thường gặp nhất: ấn đau điểm đau cạnh sống (100%), cơ cứng cơ cạnh sống (81,9%), giảm chỉ số Schober (67,6%), tăng khoảng cách tay đất (65,7%). 2. Triệu chứng Xquang thường gặp nhất: đặc xương dưới sun (78,1 %), gai xương thần đốt sống (75,2 %). 3. Tỷ lệ đau cột sống thắt lưng do nguyên nhân đau thần kinh ở bệnh nhân thoái hóa cột sống thắt lưng theo thang điểm PainDETECT là 27,6%. Triệu chứng đau thần kinh theo thang điểm PainDETECT hay gặp là tê bì (72,4%), đau đột ngột như điện giật (64,8%), đau như ngứa ran hay châm chích (61,9%), đau khi có lực tác dụng nhẹ (58,1%), kiểu đau hay gặp nhất là đau dai dẳng với sự tăng giảm nhẹ (48,1%) và đau có tính chất lan tỏa (43,2%). **Kết luận:** Tỷ lệ đau cột sống thắt lưng do nguyên nhân đau thần kinh ở bệnh nhân thoái hóa cột sống thắt lưng theo thang điểm PainDETECT là 26,7% và có thể đau do nguyên nhân thần kinh là 22,9%. Triệu chứng đau thần kinh theo thang điểm PainDETECT hay gặp là tê bì, đau như nóng rát, đau khi có lực tác dụng nhẹ chiếm, đau như ngứa ran hay

¹Bệnh viện đa khoa Hậu Lộc, Thanh Hóa

²Trường Đại học y Hà Nội

³Bệnh viện đa khoa tỉnh Thanh Hóa

⁴Bệnh viện đa khoa Văn Đình, Hà Nội

⁵Bệnh viện Bạch Mai

⁶Trường đại học điều dưỡng Nam Định

Chịu trách nhiệm chính: Nguyễn Vĩnh Ngọc

Email: vinhngoc@hmu.edu

Ngày nhận bài: 11.9.2024

Ngày phản biện khoa học: 21.10.2024

Ngày duyệt bài: 25.11.2024